TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang.

2. Ông Bùi Tấn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Á - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kiều M, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1990; nơi thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nơi tạm trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2012 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị Kiều M trình bày:*

Chị và anh Đỗ Mạnh H (sau đây viết tắt là anh H) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 21/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm. Mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng chị không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Vì tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Chị và anh H có con chung là cháu Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/12/2016, hiện cháu B đang được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản trong vụ án này.

** Trong bản trình bày ý kiến ngày 06/02/2023, bị đơn là anh Đỗ Mạnh H trình bày:*

Anh và chị M tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào năm 2016. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị M không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống nhiều năm nay nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Anh và chị M có con chung là cháu Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/12/2016, hiện cháu B đang sinh sống cùng với chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu B cho M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản trong vụ án này.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39, 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 53, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản nên không giải quyết trong vụ án này; buộc chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị M và anh H vắng mặt tại phiên tòa, có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 04 ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đ và trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị M và anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp.

Chị M và anh H đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau trong thời gian dài. Những điều này đã thể hiện chị M và anh H vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại các Điều 19, 21 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định chị M và anh H có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/12/2016. Xét thấy, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B được đảm bảo, phát triển về mọi mặt, cháu B là con gái và còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ nhiều hơn, trong khi đó chị M có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con nên để ổn định việc sinh hoạt, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 của Luật

Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B nêu trên cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và chị M có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng trong vụ án này.

[5] Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản nên căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản trong vụ án này.

[6] Chị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 150, 227, 228 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Võ Thị Kiều M được ly hôn anh Đỗ Mạnh H.

2. Giao cháu Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/12/2016 cho chị Võ Thị Kiều M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đỗ Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để chị Võ Thị Kiều M thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung.

3. Chị Võ Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Võ Thị Kiều M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0005119, ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Các đương sự vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Đại Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đô